

Số: 193/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 121/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Người yêu cầu: Ông Hà V, sinh ngày: 16/7/1988. Căn cước công dân số 048088000100 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/02/2021. Nơi cư trú: Tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 07/4/1991. Căn cước công dân số 048191005754 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/8/2021. Nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 3 năm 2026, người yêu cầu là ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T đăng ký kết hôn năm 2017 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số

135/2017 ngày 28/11/2017). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau cho nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông V và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định có 01 con chung là Hà Hoài T1 sinh ngày 19/02/2019. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao con Hà Hoài T1 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2026.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hà V xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hà V xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hà V thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002373 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2017 do Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2017 không còn giá trị pháp lý*).

* Về con chung: Ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Hoài T1 sinh ngày 19/02/2019. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao con Hà Hoài T1 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2026.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hà V xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Ông Hà V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hà V thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002373 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND P. Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Mạnh

